TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **129**/2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 126/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Thanh T, sinh năm 1987.
Nơi ĐKHKTT: Tổ 16, phường Q, thành phố T, tỉnh T.
Nơi ở: Xóm C, xã Q, huyện S, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Bùi Thành C, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Số nhà 53, tổ 16, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lý Thị Thanh T và anh Bùi Thành C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2016 cho chị Lý Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Bùi Thành C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000đ *(một triệu*

đồng)/tháng; phường thức cấp dưỡng: Hàng thàng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Bùi Bảo N đủ 18 tuổi. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự".

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lý Thị Thanh T tự nguyện nhận chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000381, ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền chênh lệch 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Thành C phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, anh Chung chưa nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường Tân Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lương Thanh Huyền